

Số: 79/2025/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2024, anh Hồ Văn T và chị Thạch Thị V yêu cầu xác định tài sản riêng của bà Sơn Thị T1 nằm trong tài sản chung với ông Hà Văn X, anh Hà Chí T2, chị Hà Thị H, chị Hà Thị Mỹ H đối với các tài sản là: Thửa đất số 995, diện tích 2,257m², loại đất lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do hộ bà Sơn Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất số 1469, diện tích 1.060m², loại đất lúa - mùa; thửa đất số 1499, diện tích 2.600m², loại đất lúa; thửa đất số 1497, diện tích 1.180m², loại đất lúa; thửa đất số 1502, diện tích 1.700m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp S, xã H, tỉnh Vĩnh Long) cùng do hộ ông Hà Văn V1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tiếp tục thi hành án đối với Bản án số 05/2017/DS-ST ngày 03/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Lý do khởi kiện: Bà Sơn Thị T1 có nghĩa vụ thi hành án trả cho anh Hồ Văn T và chị Thạch Thị V số tiền 313.553.781 đồng nhưng bà Sơn Thị T1 chết vào tháng 8/2019, tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Sơn Thị T1 là đất hộ gia đình nhưng người thừa kế và người quản lý di sản của bà T1 không tự nguyện thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ thi hành án của bà T1 nên anh, chị khởi kiện.

Tại công văn 117/CCTT-CNHCN ngày 25/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ – Vĩnh Long) cung cấp thông tin thửa đất số 995, diện tích 1.885,1m², loại đất: Đất trồng lúa nước còn lại, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long) hiện nay do ông Hà Văn X đứng tên quyền sử dụng đất; Thửa số 1469, diện tích 3.330m², loại đất: Đất ở + cây lâu năm, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp S, xã H, tỉnh Vĩnh Long) hiện nay do ông Thạch N Mol đứng tên quyền sử dụng đất và Thửa số 1502, diện tích 1.700m², loại đất cây lâu năm; Thửa số 1497, diện tích 1.180m², loại đất cây lâu năm; Thửa số 1499, diện tích 2.600m², loại đất trồng lúa, màu, cùng tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp S, xã H, tỉnh Vĩnh Long) hiện nay do hộ ông Hà Văn V1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Sau khi thụ lý vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận thấy việc khởi kiện của nguyên đơn chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

- Bà Sơn Thị T1 là người phải thi hành án theo Quyết định thi hành án số

343/QĐ-CCTHADS ngày 10/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 - Vĩnh Long). Vào tháng 8/2019, bà T1 chết. Theo quy định của pháp luật về thừa kế, quyền và nghĩa vụ thi hành án của bà đã được chuyển giao cho những người thừa kế. Khi có sự chuyển giao này, lẽ ra Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định thu hồi quyết định thi hành án đối với bà T1 và ban hành quyết định mới tương ứng với phần quyền và nghĩa vụ được chuyển giao. Thủ tục này được quy định rõ tại khoản 2 và 3 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự và được hướng dẫn chi tiết tại Điều 15 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/07/2015 (được bổ sung bởi Nghị định số 152/2024/NĐ-CP). Tuy nhiên, cơ quan thi hành án có thẩm quyền Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang (nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13) vẫn chưa thực hiện thủ tục này.

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 - Vĩnh Long) đã ra thông báo để những người thừa kế của bà T1 tiến hành thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Tuy nhiên, khi hết thời hạn được ấn định, những người thừa kế đã không thực hiện việc thỏa thuận này. Lẽ ra, theo đúng trình tự, sau khi những người thừa kế không thỏa thuận được, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 - Vĩnh Long) phải áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án, cụ thể là kê biên tài sản thuộc di sản do bà T1 để lại. Chỉ sau khi hoàn tất việc cưỡng chế, cơ quan thi hành án mới được tiếp tục thông báo, ấn định thời hạn 30 ngày để các bên liên quan thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Đây là điều kiện bắt buộc để Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chia di sản trong trường hợp này, theo quy định tại Điều 75 Luật Thi hành án dân sự và điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/07/2015. Tuy nhiên, hồ sơ vụ việc thể hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 - Vĩnh Long) đã không thực hiện thủ tục cưỡng chế, kê biên tài sản mà lại yêu cầu người được thi hành án khởi kiện xác định tài sản chung hộ gia đình theo quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự. Hơn nữa, văn bản yêu cầu khởi kiện này chỉ ấn định thời hạn 15 ngày và cũng không được tổng đạt một cách hợp lệ cho người được thi hành án. Đồng thời, việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 - Vĩnh Long) không ấn định thời hạn khởi kiện và đã không tổng đạt thông báo cho những người thừa kế của bà T1 (những người được chuyển giao quyền và nghĩa vụ từ bà T1) là vi phạm nghiêm trọng đối với các thủ tục được quy định nêu trên.

Ngoài ra, theo Công văn số 117/CCTT-CNHCN ngày 25/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ – Vĩnh Long) các thửa đất được cho là di sản của bà T1 (thửa 995, 1469, 1502, 1497, 1499) hiện nay đã không do bà T1 đứng tên mà do các ông Hà Văn X, ông Thạch Ni M và hộ ông Hà Văn V1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích trên, Tòa án xét thấy nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 194/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024, về việc “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*”, giữa:

- Nguyên đơn:

1. Anh Hồ Văn T, sinh năm 1987.

2. Chị Thạch Thị V, sinh năm 1987.

Cùng cư trú: ấp S, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện của nguyên đơn anh Hồ Văn T và chị Thạch Thị V: Anh T3 Trần Thế N1, sinh năm 1990; Cư trú: số G khóm A, phường N, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2022.

- Bị đơn:

1. Ông Hà Văn X, sinh năm 1969.

2. Anh Hà Chí T2, sinh năm 1978.

Cùng cư trú: ấp S, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

3. Chị Hà Thị H, sinh năm 1972; cư trú: ấp C, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

4. Chị Hà Thị Mỹ H, sinh năm 1980; cư trú: ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Hồ Văn T, chị Thạch Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Hồ Văn T, chị Thạch Thị V 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011551 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh thu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 – Vĩnh Long).

- Về chi phí tố tụng: Anh Hồ Văn T, chị Thạch Thị V chịu 895.200 đồng (*Tám trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng*) tiền chi phí tố tụng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên anh Hồ Văn T, chị Thạch Thị V đã nộp xong.

3. Các Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;

- VKSND Khu vực 13 – Vĩnh Long;

- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;

- Đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mộng Tiền